

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

“Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm

2. Ông Hà Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1968

Địa chỉ đăng ký HKTT: ấp B, xã T, huyện A, tỉnh L.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện A, tỉnh L.

2. Bị đơn: bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện A, tỉnh L.

(Ông T có mặt tại phiên tòa; bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - ông Trần Văn T trình bày:** Vào ngày 11/3/2019 âm lịch, ông có cho bà Phạm Thị H vay 50.000.000 đồng để bà H trả nợ ngân hàng, thời hạn vay thỏa thuận 03 ngày, nhưng trong biên nhận nợ thì ông thống nhất để bà H ghi hẹn đến ngày 11/4/2019 âm lịch sẽ trả tiền, nhưng đến nay bà H chưa trả tiền cho ông. Nay ông yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 12/4/2019 âm lịch cho đến khi trả hết số tiền nợ. Ông chỉ yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả tiền cho ông, ông không yêu cầu người nào khác cùng liên đới trả nợ.

*** Tại bản tự khai ngày 09/4/2021, bị đơn - bà Phạm Thị H trình bày:** Vào ngày 11/3/2019 âm lịch, bà có vay của ông Trần Văn T 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 11/4/2019 âm lịch sẽ trả nợ. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ do làm ăn thất bại nên bà chưa trả tiền gốc cho ông T. Về tiền lãi bà cho rằng từ khi vay tiền đến nay bà có trả tiền lãi cho ông T theo thỏa thuận nhưng không nhớ rõ tổng số tiền lãi đã trả. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà bà đã trả cho ông T. Mục đích bà vay tiền của ông T là để nuôi cá, chỉ một mình bà vay tiền của ông T nên bà đồng ý trả số tiền nợ gốc cho ông T, nhưng xin trả dần mỗi năm trả 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ. Về tiền lãi thì bà xin không trả nữa vì trước đây bà cũng đã có trả tiền lãi cho ông T. Do bà bận buôn bán, không có thời gian đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T yêu cầu bà Phạm Thị H trả cho ông T số tiền gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 12/4/2019 âm lịch cho đến khi trả hết số tiền nợ. Bà H đồng ý trả số tiền gốc 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi năm trả 10.000.000 đồng và xin không trả lãi cho ông T. Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận, buộc bà H trả cho ông T số tiền gốc 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về phần tiền lãi: tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi đối với số nợ trên nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Vào ngày 11/3/2019 âm lịch, bà H có vay của ông T 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 11/4/2019 âm lịch. Tuy nhiên đến nay bà H chưa trả tiền gốc cho ông T. Tại bản tự khai ngày 09/4/2021, bà H thừa nhận có vay tiền của ông T và hiện còn nợ ông T số tiền gốc 50.000.000 đồng. Bà H đồng ý trả tiền gốc cho ông T nhưng xin trả dần mỗi năm trả 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết

nợ. Tại phiên tòa, ông T không đồng ý đề nghị trả nợ dần của bà H. Ông T khởi kiện và đã cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 11/3/2019 có chữ ký của bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bà H trả cho ông T số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng. Về phương thức thi hành án sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa, ông T không yêu cầu bà H trả tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là do ông T tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Phạm Thị H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì bà Phạm Thị H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001423 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Bà Phạm Thị H có nghĩa vụ chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi

